TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 59/2024/QĐST-HNGĐ

H, ngày 22 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 47/2024/TLST-HNGĐ ngày 11-3-2024 về việc *"yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Lê Thị Lan A, sinh năm 2003; địa chỉ: đội 6, thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1999; địa chỉ: tổ 31, khu 5, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương vào ngày 18-5-2022. Nên hôn nhân giữa chị Lan A và anh T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị Lan A và anh T chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối tháng 5 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị Lan A và anh T đã sống ly thân từ cuối tháng 5 năm 2022 cho đến nay, không còn trách nhiệm gì với nhau. Nay chị Lan A và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không còn đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh, chị. Xét thấy, việc chị Lan A và anh T thuận tình ly hôn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Lan A và anh T có 01 con chung là Lê Phạm Q, sinh ngày 14-12-2020. Do khi sinh cháu Q, chị Lan A và anh T chưa đăng ký kết hôn nên khi làm giấy khai sinh cháu Quyết mang họ mẹ. Hiện nay sức khỏe của cháu Q hoàn toàn bình thường. Ly hôn, chị Lan A và anh T thỏa thuận giao con chung là Lê Phạm Q cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên; chị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*/1 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 4-2024 cho đến khi thành niên; chị Lan A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Xét thấy, thỏa thuận trên giữa chị Lan A và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các khoản 1, 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 và khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lan A và anh T thỏa thuận không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, việc thỏa thuận trên giữa chị Lan A và anh T là tự nguyện, phù hợp với quyền tự quyết định và định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Lan A và anh T thỏa thuận chị Lan A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 14-3-2024), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T thỏa thuận giao con chung là Lê Phạm Q, sinh ngày 14-12-2020 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Chị Lan A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)*/1 tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 4-2024 cho đến khi thành niên. Chị Lan A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T thỏa thuận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T thỏa thuận không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Lan A và anh Phạm Văn T thỏa thuận chị Lan A có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Nhưng được trừ đi số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng lệ phí chị Lan A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000542 ngày 11-3-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Chị Lan A đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Hạ Long;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Hạ Long;
- UBND xã Đ,
huyện G, tỉnh Hải Dương;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga